

Số: 54 /QĐ - SNA

Quận 8, ngày 09 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả miễn, giảm cho học sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo, học sinh khuyết tật tiền học phí, tiền học 2 buổi; hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh năm học 2022-2023 của Trường Trung học cơ sở Sương Nguyệt Anh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ SƯƠNG NGUYỆT ANH

Căn cứ Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc đổi tên Trường THCS Bông Sao A thành Trường THCS Sương Nguyệt Anh;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 9791/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Công văn 768/PGDDT ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8 về việc kết quả xét duyệt miễn, giảm học phí cho học sinh diện hộ nghèo, cận nghèo, khuyết tật, mồ côi, tiền học 2 buổi; hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo năm học 2022-2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả miễn, giảm cho học sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo, học sinh khuyết tật tiền học phí, tiền học 2 buổi; hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh năm học 2022-2023 của Trường Trung học cơ sở Sương Nguyệt Anh (đính kèm theo 04 danh sách):

- Danh sách học sinh được miễn, giảm tiền học phí, tiền học 2 buổi học kỳ I năm học 2022-2023 gồm 32 học sinh;

- Danh sách học sinh được miễn, giảm tiền học phí, tiền học 2 buổi học kỳ II năm học 2022-2023 gồm 36 học sinh;

- Danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2022-2023 gồm 27 học sinh được hưởng;

- Danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2022-2023 gồm 25 học sinh được hưởng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ phận kế toán, Tổ trưởng Văn phòng, các Tổ trưởng chuyên môn và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KBNN Q8;
- Phòng GD&ĐT Q8;
- Phòng TC-KH Q8;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Thị Minh Châu

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN, GIẢM TIỀN HỌC PHÍ, HỌC 2 BUỔI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023
(Theo Quyết định số 54 /QĐ-SNA ngày 09/8/2023 của Trường THCS Sương Nguyệt Anh)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Thuộc diện		Mức tiền học phí cấp bù / tháng	Mức tiền học 2 buổi cấp bù / tháng	Số tháng	Kinh phí đề nghị cấp bù	Ký nhận
1	Huỳnh Trọng Khang	2011	6A1	Hộ nghèo	27418090448HN	60.000		4	240.000	
2	Nguyễn Lâm Huy Hoàng	2010	6A2	Hộ nghèo	27418080509HN	60.000		4	240.000	
3	Thái Huỳnh An Khang	2011	6A2	Hộ nghèo	27418070545HN	60.000		4	240.000	
4	Huỳnh Trọng Nghĩa	2011	6A3	Hộ nghèo	27418050569HN	60.000		4	240.000	
5	Nguyễn Ngọc Trinh	2011	6A3	Hộ nghèo	27418030098HN	60.000		4	240.000	
6	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	2009	7A1	Hộ nghèo	27418090457HN	60.000		4	240.000	
7	Đoàn Hồ Quốc Tuấn	2010	7TC	Hộ nghèo	27418090468HN	60.000		4	240.000	
8	Trịnh Kim Phương Thúy	2009	8A2	Hộ nghèo	27418060304HN	60.000	80.000	4	560.000	
9	Trần Huyền Trang	2009	8A2	Hộ nghèo	27418030136HN	60.000	80.000	4	560.000	
10	Văn Trúc Mai	2009	8A4	Hộ nghèo	27418060311HN	60.000	80.000	4	560.000	
11	Trịnh Thúy Vy	2008	9A2	Hộ nghèo	27418030609HN	60.000	80.000	4	560.000	
12	Trương Ngọc Yến	2008	9A3	Hộ nghèo	27418050234HN	60.000	80.000	4	560.000	
13	Đặng Tú Cường	2008	9A4	Hộ nghèo	27418070403HN	60.000	80.000	4	560.000	
14	Trương Hoàng Quân	2008	9A4	Hộ nghèo	27418060276HN	60.000	80.000	4	560.000	
15	Lý Ngọc Yến	2008	9A6	Hộ nghèo	27418060255HN	60.000	80.000	4	560.000	
16	Nguyễn Thị Ngọc Hân	2008	9A7	Hộ nghèo	27418030098HN	60.000	80.000	4	560.000	
17	Nguyễn Võ Minh Thành	2011	6A5	Hộ cận nghèo	27418100485HCN	30.000		4	120.000	
18	Lê Minh Phát	2010	7A4	Hộ cận nghèo	27418040197HCN	30.000		4	120.000	
19	Tăng Lê Quân	2009	8A1	Hộ cận nghèo	27418080405HCN	30.000	40.000	4	280.000	
20	Huỳnh Trọng Tinh	2009	8A4	Hộ cận nghèo	27418070385HCN	30.000	40.000	4	280.000	
21	Nguyễn Hồng Phúc	2009	8A5	Hộ cận nghèo	27418080524HCN	30.000	40.000	4	280.000	
22	Võ Tấn Phát	2010	7A2	HS khuyết tật	27418-000302	60.000		4	240.000	
23	Huỳnh Anh Đức	2008	7A3	HS khuyết tật	08-HCM/08/436	60.000		4	240.000	
24	Lê Thanh Phong	2010	7A3	HS khuyết tật	27418-000412	60.000		4	240.000	
25	Nguyễn Thiện Nhân	2009	7A4	HS khuyết tật	27418-000230	60.000		4	240.000	
26	Phạm Bảo Khanh	2008	8A4	HS khuyết tật	08/HCM/BC0129	60.000		4	240.000	
27	Trần Ngọc Minh Kim	2008	8A4	HS khuyết tật	08/HCM/Q9/074	60.000		4	240.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Thuộc diện		Mức tiền học phí cấp bù / tháng	Mức tiền học 2 buổi cấp bù / tháng	Số tháng	Kinh phí đề nghị cấp bù	Ký nhận
28	Trương Kiến Đạt	2009	8A7	HS khuyết tật	27418-000232	60.000		4	240.000	
29	Phạm Khôi Nguyên	2008	9A2	HS khuyết tật	27418-000228	60.000		4	240.000	
30	Nguyễn Ngọc Bình An	2008	9A2	HS khuyết tật	27418-000297	60.000		4	240.000	
31	Huỳnh Tuấn Kiệt	2008	9A6	HS khuyết tật	27418-000186	60.000		4	240.000	
32	Phạm Đăng Khoa	2008	9A6	HS khuyết tật	27418-000426	60.000		4	240.000	
TỔNG CỘNG									10.440.000	

Tổng số tiền bằng chữ: Mười triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng./.

Tổng số học sinh: 32

Người lập biểu



Hoàng Thị Hồng Thu



Ngày 29 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Châu

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN, GIẢM TIỀN HỌC PHÍ, HỌC 2 BUỔI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023
(Theo Quyết định số 54 /QĐ-SNA ngày 09/8/2023 của Trường THCS Sương Nguyệt Anh)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Thuộc diện		Mức tiền học phí cấp bù / tháng	Mức tiền học 2 buổi cấp bù / tháng	Số tháng	Kinh phí đề nghị cấp bù	Ký nhận
1	Nguyễn Lâm Huy Hoàng	2010	6A2	Hộ nghèo	27418080509HN	60.000		5	300.000	
2	Thái Huỳnh An Khang	2011	6A2	Hộ nghèo	27418070545HN	60.000		5	300.000	
3	Huỳnh Trọng Nghĩa	2011	6A3	Hộ nghèo	27418050569HN	60.000		5	300.000	
4	Nguyễn Ngọc Trinh	2011	6A3	Hộ nghèo	27418030098HN	60.000		5	300.000	
5	Lê Ngọc Thảo Nhi	2009	8A1	Hộ nghèo	27418040209HN	60.000	80.000	5	700.000	
6	Trịnh Kim Phương Thúy	2009	8A2	Hộ nghèo	27418060304HN	60.000	80.000	5	700.000	
7	Trần Huyền Trang	2009	8A2	Hộ nghèo	27418030136HN	60.000	80.000	5	700.000	
8	Văn Trúc Mai	2009	8A4	Hộ nghèo	27418060311HN	60.000	80.000	5	700.000	
9	Phạm Cường Vinh	2008	9A3	Hộ nghèo	27619050236HN	60.000	80.000	5	700.000	
10	Đặng Tú Cường	2008	9A4	Hộ nghèo	27418070403HN	60.000	80.000	5	700.000	
11	Trương Hoàng Quân	2008	9A4	Hộ nghèo	27418060276HN	60.000	80.000	5	700.000	
12	Lê Hoàng Long	2008	9A5	Hộ nghèo	27418040209HN	60.000	80.000	5	700.000	
13	Lý Ngọc Yến	2008	9A6	Hộ nghèo	27418060255HN	60.000	80.000	5	700.000	
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	2008	9A7	Hộ nghèo	27418030098HN	60.000	80.000	5	700.000	
15	Huỳnh Trọng Khang	2011	6A1	Hộ cận nghèo	27418090448HCN	30.000		5	150.000	
16	Nguyễn Thị Bích Trân	2011	6A2	Hộ cận nghèo	27418070547HCN	30.000		5	150.000	
17	Nguyễn Võ Minh Thành	2011	6A5	Hộ cận nghèo	27418100485HCN	30.000		5	150.000	
18	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	2009	7A1	Hộ cận nghèo	27418090457HCN	30.000		5	150.000	
19	Lê Minh Phát	2010	7A4	Hộ cận nghèo	27418040197HCN	30.000		5	150.000	
20	Đoàn Hồ Quốc Tuấn	2010	7TC	Hộ cận nghèo	27418090468HCN	30.000		5	150.000	
21	Tăng Lệ Quân	2009	8A1	Hộ cận nghèo	27418080405HCN	30.000	40.000	5	350.000	
22	Huỳnh Trọng Tinh	2009	8A4	Hộ cận nghèo	27418070385HCN	30.000	40.000	5	350.000	
23	Nguyễn Hồng Phúc	2009	8A5	Hộ cận nghèo	27418080511HCN	30.000	40.000	5	350.000	
24	Trịnh Thúy Vy	2008	9A2	Hộ cận nghèo	27418030609HCN	30.000	40.000	5	350.000	
25	Trương Ngọc Yến	2008	9A3	Hộ cận nghèo	27418050234HCN	30.000	40.000	5	350.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Thuộc diện		Mức tiền học phí cấp bù / tháng	Mức tiền học 2 buổi cấp bù / tháng	Số tháng	Kinh phí đề nghị cấp bù	Ký nhận
26	Võ Tấn Phát	2010	7A2	HS khuyết tật	27418-000302	60.000		5	300.000	
27	Huỳnh Anh Đức	2008	7A3	HS khuyết tật	08-HCM/08/436	60.000		5	300.000	
28	Lê Thanh Phong	2010	7A3	HS khuyết tật	27418-000412	60.000		5	300.000	
29	Nguyễn Thiện Nhân	2009	7A4	HS khuyết tật	27418-000230	60.000		5	300.000	
30	Phạm Bảo Khanh	2008	8A4	HS khuyết tật	08/HCM/BC0129	60.000		5	300.000	
31	Trần Ngọc Minh Kim	2008	8A4	HS khuyết tật	08/HCM/Q9/074	60.000		5	300.000	
32	Trương Kiến Đạt	2009	8A7	HS khuyết tật	27418-000232	60.000		5	300.000	
33	Phạm Khôi Nguyên	2008	9A2	HS khuyết tật	27418-000228	60.000		5	300.000	
34	Nguyễn Ngọc Bình An	2008	9A2	HS khuyết tật	27418-000297	60.000		5	300.000	
35	Huỳnh Tuấn Kiệt	2008	9A6	HS khuyết tật	27418-000186	60.000		5	300.000	
36	Phạm Đăng Khoa	2008	9A6	HS khuyết tật	27418-000426	60.000		5	300.000	
TỔNG CỘNG									14.150.000	

Tổng số tiền bằng chữ: Mười bốn triệu một trăm năm mươi ngàn đồng./.

Tổng số học sinh: 36

Người lập biểu



Hoàng Thị Hồng Thu

Ngày 04 tháng 8 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Thị Minh Châu

DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN TIỀN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023

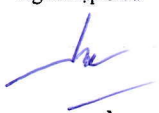
(Theo Quyết định số 54 /QĐ-SNA ngày 09/8/2023 của Trường THCS Sương Nguyệt Anh)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Thuộc diện		Số tiền được hưởng (150.000đ x 4 tháng =600.000đ)	Ký Nhận
1	Huỳnh Trọng Khang	2011	6A1	Hộ nghèo	27418090448HN	600.000	
2	Nguyễn Lâm Huy Hoàng	2010	6A2	Hộ nghèo	27418080509HN	600.000	
3	Thái Huỳnh An Khang	2011	6A2	Hộ nghèo	27418070545HN	600.000	
4	Huỳnh Trọng Nghĩa	2011	6A3	Hộ nghèo	27418050569HN	600.000	
5	Nguyễn Ngọc Trinh	2011	6A3	Hộ nghèo	27418030098HN	600.000	
6	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	2009	7A1	Hộ nghèo	27418090457HN	600.000	
7	Đoàn Hồ Quốc Tuấn	2010	7TC	Hộ nghèo	27418090468HN	600.000	
8	Trịnh Kim Phương Thúy	2009	8A2	Hộ nghèo	27418060304HN	600.000	
9	Trần Huyền Trang	2009	8A2	Hộ nghèo	27418030136HN	600.000	
10	Văn Trúc Mai	2009	8A4	Hộ nghèo	27418060311HN	600.000	
11	Trịnh Thúy Vy	2008	9A2	Hộ nghèo	27418030609HN	600.000	
12	Trương Ngọc Yến	2008	9A3	Hộ nghèo	27418050234HN	600.000	
13	Đặng Tú Cường	2008	9A4	Hộ nghèo	27418070403HN	600.000	
14	Trương Hoàng Quân	2008	9A4	Hộ nghèo	27418060276HN	600.000	
15	Lý Ngọc Yến	2008	9A6	Hộ nghèo	27418060255HN	600.000	
16	Nguyễn Thị Ngọc Hân	2008	9A7	Hộ nghèo	27418030098HN	600.000	
17	Võ Tấn Phát	2010	7A2	HS khuyết tật	27418-000302	600.000	
18	Huỳnh Anh Đức	2008	7A3	HS khuyết tật	08-HCM/08/436	600.000	
19	Lê Thanh Phong	2010	7A3	HS khuyết tật	27418-000412	600.000	
20	Nguyễn Thiện Nhân	2009	7A4	HS khuyết tật	27418-000230	600.000	
21	Phạm Bảo Khanh	2008	8A4	HS khuyết tật	08/HCM/BC0129	600.000	
22	Trần Ngọc Minh Kim	2008	8A4	HS khuyết tật	08/HCM/Q9/074	600.000	
23	Trương Kiến Đạt	2009	8A7	HS khuyết tật	27418-000232	600.000	
24	Phạm Khôi Nguyên	2008	9A2	HS khuyết tật	27418-000228	600.000	
25	Nguyễn Ngọc Bình An	2008	9A2	HS khuyết tật	27418-000297	600.000	
26	Huỳnh Tuấn Kiệt	2008	9A6	HS khuyết tật	27418-000186	600.000	
27	Phạm Đăng Khoa	2008	9A6	HS khuyết tật	27418-000426	600.000	
TỔNG CÔNG						16.200.000	

Tổng số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng./.

Tổng số học sinh: 27

Người lập biểu


Hoàng Thị Hồng Thu

Ngày 09 tháng 8 năm 2023
TRƯỜNG HIỆU TRƯỞNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
SƯƠNG NGUYỆT ANH

Nguyễn Thị Minh Châu

DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN TIỀN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023

(Theo Quyết định số 54 /QĐ-SNA ngày 09/8/2023 của Trường THCS Sương Nguyệt Anh)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Thuộc diện		Số tiền được hưởng (150.000đ x 5tháng =750.000đ)	Ký Nhận
1	Nguyễn Lâm Huy Hoàng	2010	6A2	Hộ nghèo	27418080509HN	750.000	
2	Thái Huỳnh An Khang	2011	6A2	Hộ nghèo	27418070545HN	750.000	
3	Huỳnh Trọng Nghĩa	2011	6A3	Hộ nghèo	27418050569HN	750.000	
4	Nguyễn Ngọc Trinh	2011	6A3	Hộ nghèo	27418030098HN	750.000	
5	Lê Ngọc Thảo Nhi	2009	8A1	Hộ nghèo	27418040209HN	750.000	
6	Trịnh Kim Phương Thúy	2009	8A2	Hộ nghèo	27418060304HN	750.000	
7	Trần Huyền Trang	2009	8A2	Hộ nghèo	27418030136HN	750.000	
8	Văn Trúc Mai	2009	8A4	Hộ nghèo	27418060311HN	750.000	
9	Phạm Cường Vinh	2008	9A3	Hộ nghèo	27619050236HN	750.000	
10	Đặng Tú Cường	2008	9A4	Hộ nghèo	27418070403HN	750.000	
11	Trương Hoàng Quân	2008	9A4	Hộ nghèo	27418060276HN	750.000	
12	Lê Hoàng Long	2008	9A5	Hộ nghèo	27418040209HN	750.000	
13	Lý Ngọc Yến	2008	9A6	Hộ nghèo	27418060255HN	750.000	
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	2008	9A7	Hộ nghèo	27418030098HN	750.000	
15	Võ Tấn Phát	2010	7A2	HS khuyết tật	27418-000302	750.000	
16	Huỳnh Anh Đức	2008	7A3	HS khuyết tật	08-HCM/08/436	750.000	
17	Lê Thanh Phong	2010	7A3	HS khuyết tật	27418-000412	750.000	
18	Nguyễn Thiện Nhân	2009	7A4	HS khuyết tật	27418-000230	750.000	
19	Phạm Bảo Khanh	2008	8A4	HS khuyết tật	08/HCM/BC0129	750.000	
20	Trần Ngọc Minh Kim	2008	8A4	HS khuyết tật	08/HCM/Q9/074	750.000	
21	Trương Kiến Đạt	2009	8A7	HS khuyết tật	27418-000232	750.000	
22	Phạm Khôi Nguyên	2008	9A2	HS khuyết tật	27418-000228	750.000	
23	Nguyễn Ngọc Bình An	2008	9A2	HS khuyết tật	27418-000297	750.000	
24	Huỳnh Tuấn Kiệt	2008	9A6	HS khuyết tật	27418-000186	750.000	
25	Phạm Đăng Khoa	2008	9A6	HS khuyết tật	27418-000426	750.000	
TỔNG CÔNG						18.750.000	

Tổng số tiền bằng chữ: Mười tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng./.

Tổng số học sinh: 25

Người lập biểu

Hoàng Thị Hồng Thu



Ngày 09 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Châu